

CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI Ở BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ DƯỚI THỜI NGUYỄN (1802 - 1883)

MEASURES OF PREVENTING AND FIGHTING NATURAL DISASTERS IN THE NORTH AND NORTH CENTRAL REGIONS DURING NGUYEN DYNASTY (1802-1883)

Lê Thị Thu Hiền

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; lethuhiendn@gmail.com

Tóm tắt - Đối với vùng Bắc và Bắc Trung Bộ nói riêng, toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nói chung, thiên tai luôn là một trong những mối nguy cơ/hiểm họa thường trực, tác động to lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước cũng như đời sống nhân dân. Ý thức được điều này, Nhà nước phong kiến thời Nguyễn (1802 - 1883) đã thi hành nhiều giải pháp phòng và chống nhằm hạn chế những ảnh hưởng và khắc phục những hậu quả do thiên tai gây ra, góp phần khôi phục kinh tế, duy trì trật tự xã hội, đồng thời ổn định đời sống nhân dân. Những giải pháp đó tập trung vào việc sửa chữa đê điều, đào kênh; cho vay thóc gạo, giảm thuế, giảm giá bán lương thực; tích trữ lương thực, tiền bạc; đặt các quan chức trông coi đê điều... nhằm huy động mọi phương cách cứu giúp dân vùng bị thiên tai.

Từ khóa - chính sách; phòng chống; thiên tai; Bắc và Bắc Trung Bộ; thời Nguyễn.

Abstract - For the North and North Central regions in particular, for the entire territory of Vietnam in general, disaster is always one of the permanent hazards tremendously impacting on the country's socio- economy and people's life. Aware of this, the feudal state of the Nguyen dynasty (1802 - 1883) implemented several prevention and against measures to limit the influence and overcome the consequences of natural disasters, recover the economy, maintain social order and stabilise people's life at the same time. Those measures focused on repairing dikes and building new channels; lending rice, reducing the prices of food and taxes; storing food and money as well as appointing officials to administrate the system of dikes;... to support the residents in natural disaster regions.

Key words - measures; prevention; natural disasters; North and North Central; Nguyen dynasty.

1. Đặt vấn đề

Trong suốt chiều dài lịch sử, xuất phát từ những đặc điểm của vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và khí hậu mà ở Việt Nam nói chung, vùng Bắc- Bắc Trung bộ nói riêng luôn chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai. Trong vòng hơn 80 năm của thế kỉ XIX (1802 - 1883), các loại hình thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, mưa đá, tố lốc... thường xảy ra ở vùng Bắc và Bắc Trung bộ. Sự ảnh hưởng của bão, lũ lụt, hạn hán,... tạo thành một chuỗi những tác động xấu và ngoài thiệt hại về người thì các loại thiên tai này còn gây mất mùa, giá gạo tăng cao, dẫn đến nạn đói, nạn phiêu tán lan rộng, tình trạng trộm cướp tràn lan,... gây mất ổn định xã hội, đời sống của dân chúng vốn đã khó khăn lại càng khốn đốn hơn. Đứng trước những thách thức của tự nhiên, sự nguy hại của thiên tai, các vua đầu triều Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức đều có ý thức trong việc phòng chống và khắc phục hậu quả của thiên tai thông qua việc ban hành nhiều giải pháp khá thiết thực.

2. Một số chính sách phòng chống thiên tai ở khu vực Bắc Trung Bộ dưới triều Nguyễn

2.1. Chính sách về đê điều

2.1.1. Sửa chữa, đắp mới đê điều

Trước hết, nhà Nguyễn chú trọng tới công tác thủy lợi để vừa chống lũ lụt và hạn hán. Vấn đề đắp đê, đào đường đê để giữ nước lúc hạn, thoát nước khi lụt, phục vụ cho đồng ruộng của nhà nông được các vua Nguyễn chú trọng quan tâm. Vua Gia Long đã rằng: “Việc phòng lụt rất quan hệ lợi hại đến đời sống của dân, Trẫm rất chú ý” [5].

Việc đắp đê được các vua Nguyễn tiến hành rất nhiều lần và quy mô lớn nhỏ cũng khác nhau. Thống kê trong *Đại Nam thực lục* cho thấy, mức độ đắp đê qua các đời vua Nguyễn có sự khác nhau, trung bình dưới thời Gia Long

hơn 3 năm 1 lần, Minh Mạng hơn 1 năm tiến hành 1 lần, Thiệu Trị 1,5 năm 1 lần, Tự Đức 7 năm tiến hành 1 lần. Theo đó, vua Minh Mạng tiến hành đắp đê nhiều nhất so với các vua khác, tuy ở giai đoạn này, thiên tai xảy ra không nhiều. Tính chung qua các đời vua, trung bình 2,6 năm tiến hành đắp đê 1 lần.

Ngoài việc đắp đê mới ở những nơi quan trọng, nhà Nguyễn cũng tiến hành việc sửa chữa, tu bổ đê điều để nâng cao khả năng chống chịu nước lũ, bảo vệ mùa màng và đời sống cho người dân. Để huy động sức dân, triều đình có chính sách miễn các nghĩa vụ binh dịch cho dân để tập trung cho công việc đắp đê. Mặt khác, nhà Nguyễn có hình thức chuyển từ đê công sang đê tư để dễ dàng cho việc quản lý và bảo vệ đê. Năm 1854: “*Công đê ở hai thôn Phạm Nở, Xuân Dư huyện Diên Hòa, tỉnh Hưng Yên và huyện Thư Trì tỉnh Nam Định đều chuẩn cho đổi làm đê tư, dân sở tại đày phải coi giữ, tùy tiện mà bồi đắp hay rẽ cho nước tiêu hết*” [8].

Ngoài ra trong việc đắp đê, nhà Nguyễn cũng chủ động học tập cách thức trị thủy của người phương Tây. Năm 1876, đê Văn Giang (Bắc Ninh) thường vỡ: “*Vua sai quan tỉnh hỏi người Tây, người trị thủy giỏi thì thuê làm (nghe nói phép trị thủy của người Tây rất giỏi. Hiện nay việc buôn đã thi hành, người nước ngoài tụ tập đông nên mới sai hỏi)*” [9].

2.1.2. Đào kênh, khơi dòng để chống lũ lụt, hạn hán

Trong khoảng thời gian từ 1802- 1883, qua khảo cứu *Đại Nam thực lục*, có 19 lần nhà Nguyễn cho đào, vét sông. Vào mùa khô thường xảy ra hạn hán, dẫn đến tình trạng thiếu nước tưới cho lúa và hoa màu cho nên, các vua nhà Nguyễn đã cho đào vét các con sông để cung cấp nước. Ngược lại, mỗi khi có mưa lớn, nước lụt lên cao, thì căn cứ vào điều kiện cụ thể của các con sông mà các vua nhà Nguyễn cho tiến hành khơi dòng để nước lũ thoát nhanh

hơn. Theo đó, dưới thời Minh Mạng, biện pháp này được tiến hành nhiều nhất so với các đời vua khác (9 lần). Tuy nhiên, trong hơn 80 năm thì biện pháp này nhìn chung vẫn chưa được các vua xem trọng (trung bình hơn 4 năm mới tiến hành 1 lần).

Trong việc khai vét, đào đường sông, kênh để chống lũ lụt, hạn hán, nhà nước có những quy định về việc tiến hành công việc và bảo vệ công trình sau khi đã hoàn thành như nghiêm cấm dân sở tại không được trồng trọt ở hai bên bờ, đê sông khỏi bị nghẽn lấp. Các đoạn sông được nạo vét, những chỗ đất nông nghiệp bị sử dụng để phục vụ cho các công trình phòng chống thiên tai của nhà nước đều được đền tiền. Đồng thời, những người tham gia công tác đào sông thì được nhà nước cấp cho tiền gạo. Năm 1821: “*Vua Thiệu Trị cho tiến hành vét sông Tiêu Khê ở Quảng Bình để đường thủy được lưu thông (dài 4800 trượng). Những người ứng dịch được cấp tiền gạo. Ruộng đất chỗ nào bị đào mất thì được đền tiền*” [4].

Mặt khác, trong từng trường hợp tiến hành khai vét sông, nhiều lúc nhà nước không đủ khả năng chi trả tất cả các khoản phí nhưng đồng thời, lại có nhiều người tình nguyện xuất công, tiền của để phục vụ cho việc khơi dòng của nhà nước. Đối với những trường hợp đó, nhà nước tiến hành ban khen để động viên tinh thần tình nguyện hưởng ứng của họ. Năm 1834: “*Đào dòng sông nhỏ ở Nam Định và Hưng Yên... Chính sách các dân sở tại đều tình nguyện, người giàu xuất của, người nghèo xuất công làm việc này. Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đem việc tâu vua. Vua sai truyền dụ ban khen. Sau đó, đường sông được khai thông, nước lụt có lối thoát ngay. Việc cày cấy thuận tiện*” [6].

2.2. Chính sách cứu tế, trợ cấp

2.2.1. Phát chẩn, điều động nhân sự khẩn cấp

Ý thức được tầm quan trọng của công tác cứu tế, chẩn cấp cho dân vùng bị thiên tai để giúp dân chúng vượt qua những khó khăn trước mắt, vua quan nhà Nguyễn đã tiến hành nhiều biện pháp khẩn cấp. Trong đó, chủ yếu là xuất kho phát chẩn lương thực và tiền bạc hay khẩn cấp xuất kho cứu tế ở kinh thành mang đi chẩn cấp, điều động nhân sự cho công tác chẩn cấp để nhanh chóng ổn định cuộc sống tạm thời cho dân.

Trong việc cứu tế cho người dân khi bị thiên tai, nhà nước có những quy định cụ thể về các mức cứu tế cho những trường hợp bị thiệt hại nặng nhẹ khác nhau. Tháng 9 năm 1836, ghi lại trường hợp: “*Quảng Trị, Thừa Thiên bị lụt... Tháng 9, Thừa Thiên bị bão lụt; tháng 10 Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa đều bị lụt, vua Minh Mạng ra dụ cấp cho mỗi người chết đuối 3 quan tiền, nhẹ xem xét cấp 2 quan và 1 quan tiền, các gia đình bị thiệt hại đều được nhà nước cứu trợ nên mới khôi phục lại cuộc sống*” [2]. Tuy nhiên, công việc này không phải lúc nào nhà nước cũng đủ sức làm được mà nhiều lúc phải huy động việc lạc quyền (quyên góp tiền của, lương thực... để ủng hộ dân gặp khó khăn) trong dân chúng để cùng triều đình khắc phục hậu quả của thiên tai. Đối với những người lạc quyền, nhà nước khen thưởng và ban thưởng theo thứ bậc khác nhau tùy vào số tiền lạc quyền để động viên tinh thần của họ và khuyến khích những người khác tham gia lạc quyền, giúp nhà nước trong việc cứu giúp dân vùng chịu

thiên tai. Theo đó, khuyến khích, động viên tinh thần lạc quyền của dân chúng trong những lần bị thiên tai sau.

2.2.2. Miễn, giảm, hoãn thuế và sưu dịch

Miễn, giảm, hoãn thuế và sưu dịch cho dân là một trong những giải pháp được triều Nguyễn thi hành thường lệ sau thiên tai để giảm nhẹ khó khăn, nhanh chóng giúp họ ổn định đời sống, hạn chế tình trạng dân phiêu tán và bỏ đất hoang. Đồng thời, góp phần huy động nguồn lực trong nhân dân để cùng nhà nước khắc phục hậu quả của thiên tai gây ra.

Những khi bị thiên tai làm cho mất mùa và nhiều nơi giá cả lương thực tăng vọt, tình trạng thiếu thốn về lương thực tăng cao, nhân dân gặp khó khăn trong việc nộp thuế bằng lương thực cho nhà nước. Trong tình hình như vậy, triều đình đã có biện pháp hoãn thuế cho người dân và thay việc nộp thuế lương thực bằng hình thức khác. Theo đó, tháng 5 năm 1803: “*Các địa phương gạo kém nhân dân thiếu ăn. Hạ chiếu hoãn 5/10 cho Quảng Trị, Quảng Bình thuế vụ chiêm, ở các trấn Bắc Thành thì nộp thay một nửa bằng tiền*” [3]. Nhưng mặt khác, những khi bị thiên tai như hạn hán, lũ lụt... làm cho mùa màng của dân bị ảnh hưởng, người dân khó khăn trong việc không đủ khả năng nộp thuế cho nhà nước thì triều đình cũng có chính sách miễn giảm thuế cho người dân gặp khó khăn ở những vùng bị thiên tai. Tháng 4 năm 1816, từ Nghệ An ra Bắc bị hạn lâu, mùa màng bị ảnh hưởng. Vua Gia Long sai: “*giảm thuế ruộng vụ chiêm năm nay; Nghệ An, Thanh Hoa giảm 5/10, Thanh Bình 4/10, Bắc Thành 3/10*” [3].

Trong việc miễn, giảm và hoãn thuế, nhà nước có quy định rõ ràng cho từng đối tượng, từng nơi bị thiên tai. Đồng thời, căn cứ vào mức độ thiệt hại của người dân nơi đó mà quy định việc giảm, hoãn thuế bao nhiêu phần, bao nhiêu tháng để người dân hoàn trả thuế cho nhà nước. Năm 1823, Thanh Hoa và Ninh Bình bị hạn, tổn hại mùa màng của dân, vua sai: “*khám hệ phân số bị hại là 5 thì giảm 5 phần, bị hại 6 thì giảm 6 phần, bị hại 7 thì giảm 7 phần, bị hại 8 trở lên thì tha cả*” [4].

Ngoài ra, nhà nước tiến hành định lệ về khám báo ruộng lúa bị tổn hại do thiên tai gây ra và những người tâu báo không đúng sự thật thì sẽ bị phạt. Năm 1805: “*Quan tâu lên cho đúng phân số, sẽ lượng xét tha bớt thuế. Nếu không báo đúng sự thực và dấu giếm tai nạn thì phải tội*” [3]. Điều này giúp cho nhà nước chính xác hơn trong việc cứu tế và góp phần tạo nên sự công bằng cho các đối tượng bị thiệt hại ở từng mức độ khác nhau khi nhà nước tiến hành việc chẩn cấp, cứu tế cho dân.

Bên cạnh việc miễn, giảm, hoãn thuế cho dân, nhà nước còn tiến hành việc giảm sưu dịch và các việc hành chính khác như xử án, xét hỏi kiện vật... để tập trung vào việc khắc phục hậu quả thiên tai.

2.2.3. Xuất kho cho vay và giảm giá bán lương thực

Sau thiên tai, nhà nước tiến hành cho vay, giảm giá bán lương thực để phần nào giảm bớt khó khăn và hạn chế nạn dân phiêu bạt đi đến các tỉnh khác kiếm ăn làm mất ổn định xã hội. Cho vay là biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai mà nhà nước thường xuyên tiến hành để đảm bảo cuộc sống trước mắt cho dân. Năm 1808, Quảng Bình bị lụt, người và súc vật chết đuối nhiều, vua Gia Long: “*Sai đình thân phát thóc kho cho dân nghèo vay, một người 3 học thóc*” [3].

Cùng với biện pháp cho vay, nhà nước tiến hành xuất lương thực dự trữ ở các kho lương để giảm giá lương thực bán ra tại các nơi bị thiên tai, tạo điều kiện cho dân đói có thể mua lương thực với giá rẻ, trực tiếp khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Năm 1823, Nghệ An giá gạo đắt, vua Minh Mạng sai phát kho thóc 40.000 hộc và giảm giá bán ra cho nhân dân. Năm 1840, tỉnh Nghệ An mưa lụt, gạo đắt: “*Vua chuẩn cho phát ra 60.000 phương gạo mà tỉnh Nam Định vận đến lần trước giảm giá bán ra cho dân*” [7]. Năm 1851, khi tỉnh Thanh Hóa, Bắc Ninh, Thái Nguyên giá gạo cao: “*Vua ra lệnh xuất thóc kho 90.000 hộc (Thanh Hóa 60.000 hộc; Bắc Ninh, Thái Nguyên 30.000) đem bán ra cho dân*” [8].

2.3. Đặt ra đội ngũ quan lại thực hiện công tác phòng chống thiên tai và định ra các điều luật thưởng phạt quan quân, dân trong việc phòng và chống thiên tai

Dưới thời Nguyễn, Nhà nước đã định ra cơ cấu về tổ chức quan lại để chuyên lo công tác phòng chống thiên tai, có hai tổ chức chuyên lo công việc này: *Nha Đê Chính và Khâm Thiên Giám*. Năm 1828, vua Minh Mệnh cho thành lập Nha Đê chính (tiên thân là Đê Chính ở Bắc Thành dưới thời Gia Long). *Nha Đê Chính* là một tổ chức trông coi việc đê điều ở bộ Công, các chức quan trong tổ chức này gồm 1 quan Quản lý (Quản lý Đê Chính Ty) làm Trưởng Ty và viên Tham lý (Tham lý Đê Chính Ty) làm Phó Ty. Tuy nhiên, do việc hoạt động không hiệu quả, đê điều thường xuyên bị vỡ nên đến năm 1833, vua Minh Mệnh lại cho bỏ cơ quan này. Mặt khác, dưới thời vua Minh Mạng, đã cho thành lập tổ chức *Khâm Thiên Giám* để phục vụ cho việc dự đoán thời tiết, thiên tai, để nhà nước chủ động hơn trong việc đối phó với những lúc thời tiết xấu sắp xảy ra phục vụ cho công việc mùa màng của người dân.

Cùng với việc tổ chức ra đội ngũ quan lại, nhà Nguyễn cũng có những chính sách để tạo điều kiện cho các cơ quan này làm việc có hiệu quả, đặc biệt là *Khâm Thiên Giám*. Năm 1825, vua Minh Mệnh: “*Cấp cho Khâm Thiên Giám 3 cái kính chiêm nhật kính, đại thiên lý kính và thiên lý kính. Dụ rằng: “Từ nay về sau xem xét tượng trời, hết thấy các điều tai hay lành do mắt thấy tai nghe đích xác thì cứ cho thực mật phong tâu ngay*” [4].

Để công tác phòng chống thiên tai có hiệu quả, Nguyễn cũng có nhiều chính sách để củng cố và phát triển bộ máy quan lại. Ngoài lương bổng được quy định theo chức vụ, còn có chế độ tiền thưởng cho các quan để vỗ về họ, khuyến khích họ làm việc hết sức cho triều đình và ưu tiên trong việc tuyển dụng quan lại vào bộ phận *Khâm Thiên Giám*: “*lại cho bộ Lễ thông tư các tỉnh Bắc kỳ không cứ quan dân, như có người hơi biết chiêm nghiệm, linh tượng, suy xét mưa gió, cùng thông hiểu lịch thất chính, thì thượng ty đều cấp bằng cho tới kinh để hiệu bổ dụng*” [1].

Bên cạnh đó, để đội ngũ quan lại thực hiện chức trách của mình một cách có hiệu quả, đồng thời giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra thì nhà vua đã có những quy định về thưởng phạt đối với cả quan và dân thường. Trong *Hoàng Việt luật lệ* có các điều luật quy định rõ về nhiệm vụ và bổn phận của của các quan chuyên về công tác đê điều, cũng như hình thức xử phạt đối với những người phạm vào các quy định của triều đình. Cụ thể là:

Trong việc cố ý đào bờ sông gây thiệt hại cho dân khi có lũ lụt thì điều 395, Đạo quyết hà phòng (ăn trộm, đào bờ sông) quy định rằng: “*Phàm ăn trộm đào bờ sông do quan giữ thì phạt 100 trượng, đào bờ sông của dân gian, phá ao thì phạt 80 trượng. Nếu nhân dân đào bờ làm lũ lụt lan tràn, phá hại mùa vụ, làm đắm chìm mọi đồ vật, ruộng lúa bị ngâm trong nước sâu thì phạt 100 trượng đồ 3 năm. Nhân đó làm bị thương, chết người thì giảm 1 bậc, người thường bị đánh lộn. Nếu thủ lợi hay hiềm thù mà cố đào bờ sông thì phạt 100 trượng đồ 3 năm. Cố ý đào khoét đê điều, bờ ao thì giảm 2 bậc, đối với tội đồ thì xử theo luật ăn trộm (tội 100 trượng, lưu 3000 dặm) miễn xăm chữ. Lại nhân đó làm bị thương, giết người thì buộc tội bởi luật cố sát*” [10].

Điều 396: Thất thời bắt tu đê phòng (sửa chữa đê điều không đúng lúc): “*Phàm việc trước mà sửa, xây lại đê ven sông và tuy có sửa mà không đúng lúc thì quan lại đê điều (chỉ huy) bị phạt 50 roi. Nếu nước lụt phá hủy, tàn hại nhà cửa người ta, chìm trôi tài vật thì bị xử phạt 60 trượng, nhân đó khiến người chết, bị thương thì phạt 80 trượng. Nếu không lo sửa chữa trước bờ đắp và dù có làm mà không đúng lúc thì bị phạt 30 roi, nhân đó ruộng úng ngập, bị phạt 50 roi. Còn như lũ lụt to, cuồng lũ, mưa liên tục phá hủy hết đê kè, đó không phải sức người chống nổi, cho nên không nói*” [10].

Đối với các quan lại chuyên trách về sửa chữa cầu cống, đê điều không làm tròn bổn phận thì điều 398: Tu lý kiêu lương đạo lộ (sửa chữa cầu cống đường sá) quy định rằng: “*Phàm cầu cống, đường sá ở phủ, huyện, chức trách chuyên lo là phó quan, đê điều phải lợi dụng lúc đông ảng rồi việc, quan tâm coi ngó sửa chữa kịp thời, chủ yếu cho chắc. Nếu như hao không sửa chữa thì gây trở ngại đi lại, quan lại đê điều bị phạt 30 roi*” [10].

Tuy việc quy định các việc làm sai phạm thành luật, nhưng trong thực tế nhà vua có quyền xử phạt nặng đối với những đối tượng không làm đúng chức trách, phá hoại các công trình phòng chống thiên tai. Năm 1830: “*Đê Sơn Nam ở Bắc thành vỡ do phó tổng đốc Đặng Văn Mai đào đê bắt cá, bị chém ngang lưng, vứt xác xuống sông*” [5].

Cùng với việc phạt thì nhà Nguyễn còn ban thưởng cho những đối tượng có đóng góp trong việc phòng chống thiên tai. Năm 1829, quan ở Bắc thành tâu lên về việc đắp đê, công trình lớn được 18 sở, công trình nhỏ hơn 1000 sở, tuy 9 lần nước lên to mà đều giữ vững không có nạn tràn ngập: “*Vua dụ thưởng cho thành thân Phan Văn Thủy và các thống quân cơ, suất đội đến binh đình thì đều được thưởng 1 tháng bổng*” [4].

Ngoài những biện pháp nói trên, các vua Nguyễn còn sử dụng một số biện pháp khác để khắc phục thiên tai như: tích trữ lương thực, tiền bạc; quy dân phiêu tán, hoãn các công việc xử án, tha tù nhân, cấm giết trâu bò... nhằm huy động mọi phương cách cứu giúp dân vùng bị thiên tai. Nhờ những chính sách và biện pháp đa dạng, linh hoạt trong việc cứu tế, khắc phục hậu quả thiên tai của nhà nước mà cuộc sống của dân phần nào được ổn định, tạo điều kiện để dân tiếp tục bắt tay vào sản xuất, phát triển kinh tế.

3. Kết luận

Trong suốt chiều dài lịch sử, xuất phát từ những đặc điểm của vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và khí hậu mà ở

Việt Nam nói chung, vùng Bắc- Bắc Trung bộ nói riêng luôn chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai. Đứng trước những thách thức của tự nhiên, sự nguy hại của thiên tai, nhất là bão, lũ lụt, hạn hán, các vua nhà Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức đều có ý thức trong việc phòng chống và khắc phục hậu quả của thiên tai. Triều đình đã đưa ra và thực hiện đa dạng các chính sách, biện pháp phòng chống thiên tai, trong đó, một số biện pháp tỏ ra hiệu quả, đặc biệt là việc đắp đê, đào kênh, cứu tế, chẩn cấp.

Tuy vậy, lúc này chế độ phong kiến đang trên đà suy yếu, khủng hoảng, cho nên mặc dù nhà Nguyễn đã đưa ra nhiều chính sách phòng chống thiên tai nhưng trên thực tế việc thi hành các chính sách, biện pháp đó rất chậm và thiếu đồng bộ. Tệ tham nhũng, thói bảo thủ, trì trệ đã làm cho hiệu quả mà các chính sách phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai của nhà Nguyễn mang lại không cao. Đồng thời, do sự lạc hậu về kĩ thuật, đặc biệt là công tác dự báo thiên tai, công tác cứu hộ còn hạn chế cho nên triều đình luôn phải bị động đối phó với các loại hình thiên tai, nhất là bão, lụt. Chính vì thế, nhà Nguyễn đã đưa ra nhiều biện pháp phòng chống thiên tai nhưng vẫn chưa giảm thiểu được thiệt hại về người và của, tình trạng mất mùa, đói kém, dân phiêu tán, trộm cướp liên tục xảy ra, đời sống nhân dân, trật tự xã hội dưới triều Nguyễn chưa ổn định. Tuy nhiên, những chính sách phòng chống thiên tai đã

thể hiện phần nào thái độ tích cực của nhà Nguyễn, đưa đến một cái nhìn khác, khách quan hơn khi đánh giá công và tội của triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử chế độ phong kiến ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 15, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.446.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.71.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, tr.560, tr.916, tr.642, tr.739.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Giáo dục, tr.151, tr.290, tr.445.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Nxb Giáo dục, tr.613, tr.83.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Nxb Giáo dục, tr.131.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb Giáo dục, tr.791.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 7, Nxb Giáo dục, tr.300, tr.196.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 8, Nxb Giáo dục, tr.184.
- [10] Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, Tập 5, Nxb Văn hóa thông tin, tr.184, tr.1041, tr.1042, tr.1046.

(BBT nhận bài: 18/02/2015, phản biện xong: 17/03/2015)